BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Khóa học: 2015 - 2018

Ngành: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch

Khóa 48 Lớp HDDL Quảng Trị

						Học kỳ 1						**Học kỳ 2**			3					4						5						6								
STT	**MÃ SV**	**HỌ VÀ TÊN**	**Ngày sinh**	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Tin học đại cương	Tâm lý học đại cương	Pháp luật đại cương	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đường lối Cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế lượng	Kinh tế vĩ mô	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Hệ thống các tuyến điểm du lịch	Kỹ năng giao tiếp	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quản trị học	Tổng quan du lịch	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Địa lý du lịch	Marketing dịch vụ	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	Quản trị lữ lành	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Quản lý điểm đến	Tâm lý du khách	Văn hóa các dân tộc thiểu số	Văn hóa Huế	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý	**Tổng kết**
				2	**2**	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**92**
1	14D4011455	Lê Thị Thúy An	07/10/96	6.7	4.8	4.3	5.7	7.2	6.0	8.9	6.8	9.4	7.4	4.5	8.1	9.9	5.3	8.8	8.6	8.0	8.8	6.7	8.0	5.3	6.5	8.4	8.2	9.0	8.7	8.9	8.5	8.0	9.0	8.2	8.4	8.5	8.5	9.4	9.0	7.7
2	14D4011456	Lê Hoàng Anh	10/10/96	6.7	4.1	4.1	5.5	7.1	6.0	8.1	6.7	7.3	6.7	6.1	6.7	5.3	2.5	8.6	4.7	7.9	8.5	5.2	6.3	5.9	8.6	7.6	8.2	8.6	6.2	7.8	8.4	5.8	8.8	8.0	7.5	7.1	8.5	9.4	8.8	6.9
3	14D4011462	Lê Quốc Bảo	23/06/96	8.1	4.1	4.9	5.5	6.4	7.4	7.9	6.8	9.0	6.7	4.1	8.1	7.1	4.2	6.7	6.9	8.2	9.2	4.3	8.4	7.2	5.7	8.3	8.2	7.8	8.4	9.1	8.4	5.2	2.2	2.6	7.4	5.4	8.1	9.6	8.5	6.9
4	14D4011463	Đoàn Thị Như Cẩm	17/07/95	5.3	4.8	4.8	6.1	7.4	6.0	6.6	6.7	7.3	7.2	4.4	5.7	4.5	2.8	7.8	6.7	7.9	9.8	5.3	8.7	9.1	6.5	9.0	8.2	8.4	8.1	9.1	8.6	5.5	8.8	8.9	8.4	8.4	8.5	9.5	8.5	7.1
5	14D4011464	Hà Thị Giáng Châu	15/06/96	5.8	5.4	5.5	8.9	7.3	6.7	6.4	7.4	7.3	8.1	4.2	7.4	7.4	2.5	7.8	7.4	8.7	8.8	6.4	9.1	6.8	6.5	8.0	8.2	9.2	9.1	9.4	8.4	7.5	8.5	8.9	8.7	7.7	8.5	8.9	9.0	7.5
6	14D4011477	Hoàng Thị Thùy Dung	01/01/96	6.0	5.7	4.3	6.4	6.6	6.0	8.3	6.8	8.1	7.4	5.3	8.0	7.9	2.1	7.2	6.5	7.5	8.8	5.2	6.6	7.2	6.3	8.4	8.9	8.6	9.3	8.3	8.5	6.1	8.7	8.2	8.2	6.4	8.5	8.9	8.5	7.2
7	14D4011485	Nguyễn Thị Giang	20/10/96	7.2	5.1	5.0	6.1	6.6	6.0	8.7	6.8	8.9	8.8	6.2	8.1	8.5	2.1	7.2	6.0	7.4	8.8	5.6	8.0	4.9	6.3	7.6	8.2	9.0	8.4	8.7	7.7	6.3	8.5	8.9	8.1	6.4	8.5	9.3	9.0	7.2
8	14D4011493	Nguyễn Thị Ngân Hà	17/05/96	7.4	5.9	4.1	7.8	5.3	6.0	8.4	6.7	7.3	7.1	4.6	8.1	9.8	3.2	8.6	8.6	7.3	9.0	6.9	7.7	6.3	6.1	7.4	7.5	9.0	8.4	8.4	6.9	5.5	7.7	5.9	8.3	6.3	8.5	8.9	8.5	7.2
9	14D4011497	Trần Thị Hải	10/05/96	6.0	6.5	4.3	6.4	7.2	6.0	8.2	8.1	8.0	7.4	5.1	7.9	9.1	5.3	8.5	9.3	7.9	8.8	6.0	8.0	7.3	8.0	7.5	8.2	8.6	9.0	8.7	8.5	6.7	7.8	7.5	7.9	5.6	7.8	9.3	8.7	7.6
10	14D4011503	Đinh Thị Thuý Hằng	05/11/95	6.8	5.2	4.7	5.7	8.0	6.0	7.4	7.2	7.7	8.8	6.8	6.4	6.8	4.6	8.4	7.8	8.1	8.8	6.7	5.2	8.0	9.1	8.6	8.2	7.9	7.4	8.4	8.5	4.5	8.1	8.0	7.2	6.3	8.5	9.5	8.5	7.3
11	14D4011506	Nguyễn Thị Hằng	05/10/96	7.6	5.6	4.3	5.7	7.3	6.0	8.1	6.7	7.8	7.4	5.0	6.7	8.9	4.0	9.3	7.6	8.4	8.8	6.3	6.6	6.8	8.4	8.8	8.2	8.5	8.0	8.7	9.2	5.3	8.5	8.7	6.9	4.9	8.5	9.6	8.5	7.4
12	14D4011509	Nguyễn Thị Hiền	02/04/94	6.3	2.1	2.2	5.7	7.2	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7
13	14D4011511	Nguyễn Hoàng Hiếu	16/10/96	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1
14	14D4011514	Nguyễn Thị Hoa	21/07/96	7.4	5.3	4.3	6.8	8.0	6.0	7.7	6.9	8.4	7.7	6.1	8.1	5.3	2.8	7.7	5.1	8.0	8.5	5.3	8.0	7.9	7.9	8.4	8.9	8.3	8.0	9.0	6.9	6.0	8.5	8.2	8.0	8.7	8.5	9.5	9.0	7.3
15	14D4011516	Đậu Thị Hoài	09/10/96	8.1	2.3	3.5	5.2	8.1	4.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.8
16	14D4011518	Nguyễn Thị Huệ	27/10/96	7.3	5.6	4.2	6.4	8.1	6.2	7.8	7.3	8.4	8.7	4.1	7.1	6.8	1.9	7.8	6.0	7.9	8.8	7.0	8.4	7.3	7.9	8.7	8.9	9.0	8.5	9.1	8.4	6.8	8.2	8.9	8.4	7.8	8.5	9.3	9.0	7.5
17	14D4011522	Lê Văn Khánh	11/07/96	5.1	5.0	4.2	6.4	7.1	6.2	7.6	4.9	5.2	2.8	4.0	6.5	5.3	1.3	4.9	7.7	6.1	9.2	4.3	7.6	4.9	4.5	7.1	7.9	6.2	8.1	7.4	6.2	4.2	2.2	2.4	7.3	5.6	7.2	9.3	8.5	5.8
18	14D4011528	Nguyễn Thị Lài	10/01/96	5.6	5.9	7.1	7.8	8.0	6.2	6.9	7.5	8.4	8.2	5.9	8.8	9.0	5.3	6.9	7.8	8.9	7.5	6.7	8.4	7.2	9.1	8.1	8.9	8.7	8.2	8.7	7.6	7.5	8.5	8.9	7.7	7.7	8.5	9.1	8.7	7.8
19	14D4011530	Trần Thị Lành	30/08/95	7.4	4.5	4.3	8.0	7.4	6.2	7.4	5.8	8.7	7.4	4.8	8.1	7.3	7.7	10.0	7.9	7.2	8.8	5.2	7.7	7.3	8.2	7.7	8.9	9.0	8.0	8.7	8.4	5.8	8.8	8.2	8.0	7.1	8.5	9.3	8.8	7.6
20	14D4011536	Đinh Thị Thùy Linh	04/10/96	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1
21	14D4011541	Nguyễn Văn Thành Lộc	22/01/96	6.4	2.5	3.8	6.4	5.7	6.2	5.6	5.6	5.6	4.2	3.4	5.7	3.5	2.8	5.8	6.9	6.8	9.5	4.4	4.7	5.2	4.5	5.5	5.4	7.2	7.1	7.7	7.1	2.8	0.7	2.6	7.3	3.5	7.1	8.8	9.3	5.5
22	14D4011542	Dương Thị Lựu	29/03/96	6.2	4.4	5.0	5.7	8.1	6.9	7.9	6.6	8.4	7.4	4.8	8.5	7.5	3.7	8.9	7.8	8.2	8.8	5.0	8.0	7.0	7.2	8.0	8.9	9.0	8.9	8.4	7.8	6.3	8.8	9.1	8.3	7.7	8.5	8.9	8.7	7.4
23	14D4011543	Nguyễn Thị Lựu	02/01/96	6.7	5.4	4.8	6.9	8.1	6.2	8.3	6.9	6.6	6.7	4.9	6.4	8.2	3.7	9.3	7.4	8.2	8.8	6.7	8.0	7.5	7.7	8.3	8.2	8.2	9.3	8.7	8.5	5.6	7.9	8.9	7.5	5.6	7.8	8.9	9.0	7.4
24	14D4011544	Nguyễn Thị Lựu	25/01/96	5.7	4.3	3.8	5.5	6.7	6.2	7.5	6.1	5.5	6.7	7.0	5.0	2.0	1.8	9.0	5.6	7.5	8.8	6.3	7.3	4.2	7.7	7.6	8.2	7.6	9.0	8.7	6.2	5.0	8.2	8.9	7.9	6.9	8.5	8.9	8.5	6.6
25	14D4011545	Bùi Thị Thu Ly	16/09/96	5.3	1.3	2.0	6.1	7.4	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7
26	14D4011546	Hồ Thị Phương Ly	11/07/96	6.6	5.0	4.2	6.8	7.9	6.2	7.9	8.2	8.0	7.3	5.4	5.7	9.3	6.0	9.7	8.4	8.2	8.5	6.5	8.0	7.3	8.4	7.9	9.3	8.6	9.3	9.2	9.3	7.0	9.2	7.8	8.4	7.1	8.5	9.1	9.0	7.8
27	14D4011547	Võ Văn Mẫn	11/05/96	5.7	4.7	4.0	7.1	6.4	5.5	6.0	5.6	8.4	2.8	4.1	8.1	5.4	2.0	7.9	6.4	5.2	9.2	6.4	4.9	4.7	8.0	7.6	8.2	7.8	9.2	8.3	7.2	6.9	7.0	8.2	7.0	5.7	7.5	9.3	9.0	6.6
28	14D4011548	Nguyễn Thị Mến	10/06/96	6.6	5.1	5.0	7.1	7.4	6.2	9.0	6.3	7.3	7.3	5.2	7.4	9.1	1.4	9.3	6.4	7.9	8.8	5.6	6.3	6.9	8.0	7.4	8.2	8.6	8.6	8.7	8.4	7.4	8.2	8.0	6.8	8.0	7.8	9.3	8.5	7.3
29	14D4011549	Ngô Anh Minh	30/10/94	4.9	5.0	5.0	5.6	7.1	4.1	6.3	7.1	7.1	6.6	4.0	5.0	1.4	0.6	7.9	6.1	7.9	9.2	3.9	6.2	6.5	4.9	6.3	6.1	7.5	6.9	7.0	9.2	1.7	2.2	2.4	3.1	4.9	7.7	9.4	8.5	5.7
30	14D4011550	Hồ Thị Xuân Mơ	10/01/95	7.4	4.0	5.5	6.2	7.4	6.9	8.6	8.3	8.7	8.0	5.5	8.6	7.4	3.5	7.9	7.0	8.6	9.2	5.1	7.0	8.2	6.2	7.9	8.2	8.3	7.8	8.7	8.4	5.3	7.9	8.9	7.6	7.7	8.5	8.9	8.5	7.4
31	14D4011554	Dương Thị Lê Na	23/10/96	8.8	4.5	5.0	6.6	8.1	7.3	8.1	8.2	9.6	8.0	6.6	8.3	9.8	6.0	9.3	8.6	8.4	9.3	6.5	8.0	9.3	6.5	8.7	9.3	9.3	8.7	9.1	8.4	7.5	9.2	8.4	9.0	8.2	8.5	9.3	8.7	8.1
32	14D4011561	Trần Thị Thanh Ngân	01/06/96	7.3	5.0	4.2	6.2	6.7	6.2	7.2	7.7	6.6	7.4	4.7	7.4	7.0	3.9	8.7	7.8	7.7	8.5	5.5	6.3	8.0	5.9	7.8	8.9	8.6	7.4	8.7	9.1	5.1	8.4	8.2	7.9	8.5	8.5	9.7	8.5	7.2

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Tin học đại cương	Tâm lý học đại cương	Pháp luật đại cương	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đường lối Cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế lượng	Kinh tế vĩ mô	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Hệ thống các tuyến điểm du lịch	Kỹ năng giao tiếp	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quản trị học	Tổng quan du lịch	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Địa lý du lịch	Marketing dịch vụ	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	Quản trị lữ hành	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Quản lý điểm đến	Tâm lý du khách	Văn hóa các dân tộc thiểu số	Văn hóa Huế	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý	Tổng kết
					2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	92
33	14D4011563	Nguyễn Hữu	Nghĩa	15/08/96	7.7	4.1	5.5	7.5	5.2	5.5	4.7	6.5	4.2	7.2	4.3	6.3	4.3	4.4	6.8	7.9	7.7	9.5	5.1	6.2	7.2	6.3	7.9	8.2	9.0	7.6	8.9	7.6	7.0	8.6	8.2	8.6	8.0	7.8	9.7	9.2	6.9
34	14D4011567	Hồ Thị	Nhân	24/10/96	7.6	**2.4**	**2.5**	4.3	6.7	6.9	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**1.4**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.8**
35	14D4011571	Trần Thị Minh	Nhi	28/06/96	6.6	4.8	**3.5**	6.2	7.2	6.2	7.3	8.2	6.4	8.1	8.7	7.9	7.9	**2.1**	7.8	7.8	8.1	8.8	4.6	7.3	7.3	6.3	8.4	8.2	8.6	6.1	8.0	8.5	**3.8**	8.4	8.2	6.8	7.3	8.5	8.9	8.6	7.1
36	14D4011579	Nguyễn Thị	Ny	20/09/96	8.1	5.7	4.2	6.4	7.4	6.2	7.2	8.1	5.9	7.4	7.3	7.9	8.7	**3.7**	9.3	7.9	8.0	8.8	5.7	6.6	5.2	9.0	7.2	8.2	9.0	7.6	8.4	9.1	5.8	8.4	8.0	8.2	5.9	7.8	9.0	8.5	7.4
37	14D4011580	Trần Thị ái	Phi	11/09/96	8.2	5.9	4.9	6.3	7.4	6.6	7.6	8.4	8.9	8.3	6.6	7.9	9.4	5.3	10.0	8.5	7.4	9.2	5.6	8.4	8.7	8.4	8.6	8.2	9.0	9.2	8.9	9.3	4.7	8.5	8.2	8.0	6.6	7.9	9.0	9.0	7.9
38	14D4011588	Trần Thị	Phượng	07/08/96	8.1	4.1	4.3	5.2	7.3	6.9	6.6	6.8	9.1	8.8	5.1	7.4	4.5	**3.0**	7.9	7.4	7.9	8.8	4.6	8.0	7.3	6.5	8.6	8.2	7.4	5.8	9.0	7.6	4.6	8.5	7.8	8.0	6.9	8.5	8.8	8.6	7.0
39	14D4011596	Lê Thị Thu	Sương	22/04/96	5.9	4.4	**3.3**	6.5	7.4	5.5	7.1	7.3	8.7	7.5	7.6	8.8	8.4	**3.9**	8.2	7.6	8.1	8.8	4.3	8.0	9.1	6.3	8.8	8.6	8.6	6.5	9.1	8.5	5.6	8.5	8.9	7.9	7.7	8.5	9.4	8.5	7.5
40	14D4011598	Blìng Thị Mỹ	Tâm	16/08/96	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**2.5**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.1**
41	14D4011610	Lê Văn	Thịnh	11/08/96	6.4	4.1	4.2	6.2	7.1	**2.7**	**3.9**	6.7	4.2	**2.3**	**3.8**	6.0	**3.6**	**0.0**	6.6	7.1	5.3	9.5	5.0	6.6	5.6	5.0	6.2	**3.3**	7.0	5.7	8.4	8.5	**2.5**	5.5	**2.6**	7.4	6.7	8.5	9.3	8.5	5.6
42	14D4011613	Bùi Thị Ngọc	Thúy	21/06/96	7.4	5.3	5.0	6.4	5.2	6.2	7.2	7.5	6.3	8.8	4.8	6.7	5.6	**2.1**	7.3	7.2	7.9	8.9	5.1	7.3	7.7	6.3	8.4	8.2	8.6	6.7	8.7	8.5	7.3	8.1	8.2	7.2	7.7	8.9	9.8	8.5	7.1
43	14D4011616	Nguyễn Thị	Thúy	19/04/96	7.4	4.4	5.0	5.7	7.9	5.3	6.6	7.4	6.6	7.4	5.7	8.1	5.5	5.1	8.4	7.7	7.7	8.8	5.1	7.6	7.3	6.1	7.8	8.6	7.6	6.0	9.0	9.1	5.1	7.9	7.5	6.8	7.0	8.5	9.6	8.5	7.1
44	14D4011620	Hoàng Thị Hoài	Thương	11/05/96	7.2	6.5	4.3	6.4	7.9	6.0	7.9	7.3	7.3	8.1	5.3	8.1	8.6	5.6	8.4	8.6	6.1	8.8	5.8	7.3	7.3	6.3	8.4	8.2	8.6	5.7	9.0	8.4	5.6	8.1	7.8	7.6	6.6	8.5	9.4	8.6	7.3
45	14D4011621	Lê Thị	Thương	19/09/96	6.8	5.4	4.2	6.4	7.3	5.5	6.3	6.8	8.5	6.7	4.9	7.1	6.6	**3.9**	6.9	7.8	7.6	8.8	5.7	8.0	6.6	7.7	7.7	8.2	8.4	6.0	8.7	7.7	4.4	8.5	8.2	7.9	7.7	8.5	9.3	8.6	7.0
46	14D4011622	Trần Thị	Thương	11/12/96	**2.6**	**1.7**	**2.4**	**2.4**	**2.5**	**2.5**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.3**
47	14D4011623	Phan Văn	Tiên	13/01/96	6.7	**2.8**	4.5	6.3	7.1	5.3	**2.1**	**2.2**	**0.0**	**0.0**	**1.7**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**1.0**
48	14D4011628	Lê Thị Huyền	Trang	09/12/96	8.2	4.8	4.3	6.3	7.9	5.3	7.3	7.7	7.3	8.1	5.3	7.4	6.8	**2.5**	9.7	7.8	8.1	9.2	5.3	7.7	5.2	8.6	8.0	7.5	9.0	5.0	9.0	8.5	**3.8**	8.2	6.8	8.2	7.3	7.8	9.2	8.5	7.1
49	14D4011629	Mai Thị Huyền	Trang	06/10/95	7.4	4.3	4.3	6.2	7.4	6.0	6.7	6.8	8.0	6.9	4.0	7.1	**3.2**	**2.1**	6.6	6.2	7.5	8.8	5.1	7.0	4.5	6.3	6.5	7.5	8.1	5.3	8.3	7.7	**3.6**	7.3	6.6	7.9	5.9	8.2	9.2	8.5	6.4
50	14D4011631	Nguyễn Thị	Trang	20/10/96	7.2	5.9	5.7	6.2	8.7	6.0	8.8	8.6	7.5	7.2	7.0	8.5	8.8	5.0	7.9	7.0	8.1	9.5	6.5	8.4	7.7	8.7	8.0	8.2	8.2	7.4	8.7	7.8	5.1	8.8	8.0	7.9	7.7	7.8	9.4	8.5	7.7
51	14D4011638	Võ Thùy	Trang	03/07/96	6.7	5.1	**3.6**	6.2	7.3	6.7	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**2.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.9**
52	14D4011640	Nguyễn Thuỳ Ngọc	Trâm	24/04/96	6.7	5.5	6.4	7.8	8.1	6.7	7.7	8.6	8.4	7.4	6.8	8.8	8.7	5.6	8.3	7.9	8.6	8.8	5.7	8.4	7.5	9.0	8.1	8.9	9.3	8.8	9.1	8.6	8.6	8.4	7.8	8.0	7.3	8.3	9.2	8.5	8.0
53	14D4011645	Nguyễn Văn	Trường	15/06/95	6.0	**2.2**	4.3	7.0	7.1	6.7	6.8	6.8	**2.7**	7.3	4.8	8.7	**1.5**	**0.4**	4.7	5.4	7.2	9.2	**3.7**	6.2	4.2	5.9	5.9	8.2	6.2	5.6	**2.6**	7.6	**1.8**	**3.0**	**2.4**	5.9	7.0	7.3	9.3	8.5	5.4
54	14D4011649	Nguyễn Thị Hồng	Vân	15/02/96	5.7	5.4	5.0	5.6	6.5	5.3	5.7	7.5	7.3	8.1	5.3	8.1	5.3	**3.2**	6.0	6.9	6.1	9.2	5.2	6.6	6.6	7.9	7.6	7.5	8.6	6.3	8.0	8.4	4.5	7.4	8.9	4.7	7.7	7.8	9.4	8.7	6.7
55	14D4011656	Nguyễn Thị Cẩm	Xuyên	15/11/96	6.3	5.2	5.0	8.0	7.4	6.0	8.7	8.5	9.1	8.8	7.7	8.0	8.2	**3.9**	8.6	8.3	7.7	10.0	6.1	7.7	7.5	9.0	8.7	7.5	9.3	8.1	9.0	9.3	6.2	9.2	8.2	7.6	7.7	8.5	9.0	9.0	7.9

(Có 55 sinh viên trong danh sách này với 0 con điểm bị sửa chữa)